**THUYẾT MINH  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
CẤP TỈNH [[1]](#footnote-1)**

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài:** | | | | **1a** | **Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)* | |
|  | | | | |  | | |
| **2** | **Loại đề tài:** | | | | | | |
| Thuộc Chương trình *(Ghi rõ tên chương trình, nếu có)*, Mã số:  Độc lập  Khác | | | | | | | |
| **3** | **Thời gian thực hiện:** …… tháng | | | | | | |
| (Từ tháng ……/20… đến tháng ……/20…) | | | | | | | |
| **4** | **Kinh phí thực hiện:** | | | | | | |
|  | Tổng kinh phí: …………… *(triệu đồng)*, trong đó: | | | | | | |
| - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: | | | | |  | | |
| - Từ nguồn tự có của tổ chức: | | | | |  | | |
| - Từ nguồn khác: | | | | |  | | |
| **5** | **Phương thức khoán chi:** | | | |  | | |
| Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | | | Khoán từng phần, trong đó: | | |
|  | | | | | - Kinh phí khoán: triệu đồng  - Kinh phí không khoán: triệu đồng | | |
| **6** | **Chủ nhiệm đề tài:** | | | | | | |
| Họ và tên:  Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam / Nữ  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:  Chức danh khoa học: Chức vụ............................................  Điện thoại:  Tổ chức: Nhà riêng: ............................. Mobile: ................................  Fax: E-mail: ............................................................  Tên tổ chức đang công tác:  Địa chỉ tổ chức:  Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | | |
| **7** | **Thư ký khoa học của đề tài:** | | | | | | |
| Họ và tên:  Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam / Nữ  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:  Chức danh khoa học: Chức vụ............................................  Điện thoại:  Tổ chức: Nhà riêng: ............................. Mobile: ................................  Fax: E-mail: ............................................................  Tên tổ chức đang công tác:  Địa chỉ tổ chức:  Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | | |
| **8** | **Tổ chức chủ trì đề tài[[2]](#footnote-2):** | | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài:  Điện thoại: Fax: .................................................................  Website:  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng tổ chức:  Số tài khoản:  Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:  Tên cơ quan chủ quản đề tài: | | | | | | | |
| **9** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài:** *(nếu có)* | | | | | | |
| **1. Tổ chức 1**:  Tên cơ quan chủ quản:  Điện thoại: Fax: .................................................................  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng tổ chức:  Số tài khoản:  Ngân hàng:  **2. Tổ chức 2**:  Tên cơ quan chủ quản:  Điện thoại: Fax: .................................................................  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng tổ chức:  Số tài khoản:  Ngân hàng: | | | | | | | |
| **10** | **Cán bộ thực hiện đề tài:** | | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | | |
| **TT** | | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Tổ chức công tác** | **Nội dung, công việc chính tham gia** | | | **Thời gian làm việc cho đề tài** *(Số tháng quy đổi)*[[3]](#footnote-3) |
| 1 | |  |  |  | | |  |
| 2 | |  |  |  | | |  |
| 3 | |  |  |  | | |  |
| 4 | |  |  |  | | |  |
| 5 | |  |  |  | | |  |
| 6 | |  |  |  | | |  |
| 7 | |  |  |  | | |  |
| 8 | |  |  |  | | |  |
| 9 | |  |  |  | | |  |
| 10 | |  |  |  | | |  |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | **Mục tiêu của đề tài:** (*Phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | |
|  | | | | | |
| **12** | **Tình trạng đề tài:** | | | | |
| Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | | |
| **13** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | |
| **13.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài:**  *(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)* | | | | | |
| **13.2. Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài:**  *(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)* | | | | | |
| **14** | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:** | | | | |
| *(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)* | | | | | |
| **15** | **Nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | |
| *(Xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)*  **Nội dung 1:**    **Nội dung 2:**    **Nội dung 3:** | | | | | |
| **16** | **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | |
| *(Giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)*  - Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)  - Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)  - Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)  - Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)  - ……… | | | | | |
| **17** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  **Cách tiếp cận:**      **Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | | |
| **18** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:** | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có*). | | | | | |
| **19** | **Phương án hợp tác quốc tế:** *(nếu có)* | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)* | | | | | |
| **20** | **Kế hoạch thực hiện:** | | | | |
| **TT** | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** *(bắt đầu,  kết thúc)* | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện**[[4]](#footnote-4) | **Dự kiến  kinh phí** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2 |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2 |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |
| … | ***Nội dung …*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2 |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |

# III. SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ TÀI:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | | **Sản phẩm khoa học và công nghệ chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | | | | | |
| **21.1. Dạng I:** Báo cáo khoa học *(báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị)*; kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác; | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Tên sản phẩm** *(Ghi rõ tên từng sản phẩm)* | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | *(2)* | | | *(3)* | | | | *(4)* |
|  | |  | | |  | | | |  |
|  | |  | | |  | | | |  |
| **21.2. Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác | | | | | | | | | |
| **Số TT** | | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | *(2)* | *(3)* | | | | *(4)* | | *(5)* |
|  | |  |  | | | |  | |  |
|  | |  |  | | | |  | |  |
| **21.3. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học** | | | | | | | | | |
| **TT** | **Cấp đào tạo** | | | **Số lượng** | | **Chuyên ngành đào tạo** | | **Ghi chú** | |
| *(1)* | *(2)* | | | *(3)* | | *(4)* | | *(5)* | |
|  | **Thạc sỹ** | | |  | |  | |  | |
|  | **Tiến sỹ** | | |  | |  | |  | |
| **22** | | **Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** | | | | | | | |
| **22.1. Lợi ích của đề tài:**  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*        *b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*        **22.2. Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)* | | | | | | | | | |

# V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ: *(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **23** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Trả công lao động** *(khoa học, phổ thông)* | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - ……… |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn khác (vốn huy động) |  |  |  |  |  |  |

*(\*): Chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt*

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày … tháng … năm ……* | *………, ngày … tháng … năm ……* |
| **CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  *(Họ tên và chữ ký)* | **CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI[[5]](#footnote-5)** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |
| *………, ngày … tháng … năm ……*  **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG[[6]](#footnote-6)**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | |

**Phụ lục**

# DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) gồm:  - Nội dung 1  - Nội dung 2  - ……… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác**  Trong đó:  - Công tác trong nước *(địa điểm, thời gian)*  - Hợp tác quốc tế *(nước, số người)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

**Khoản 1. Công lao động** (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Ngân sách SNKH** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - ……… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **1** | **Nguyên, vật liệu[[7]](#footnote-7)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Mua sách, tài liệu, số liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **I** | **Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài[[8]](#footnote-8)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Thuê thiết bị[[9]](#footnote-9)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |

*\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |

*\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Khoản 5. Chi khác**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Công tác trong nước** *(địa điểm, thời gian, số lượt người)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Hợp tác quốc tế** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra *(nước đến, số người, số ngày, số lần,...)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào *(số người, số ngày, số lần...)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Kinh phí quản lý** *(của cơ quan chủ trì)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí kiểm tra nội bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu trung gian |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu nội bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Dịch tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Phụ cấp chủ nhiệm đề tài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

1. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4 [↑](#footnote-ref-1)
2. Tổ chức chủ trì đăng ký chủ trì đề tài là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài [↑](#footnote-ref-2)
3. Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 08 tiếng [↑](#footnote-ref-3)
4. Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10 [↑](#footnote-ref-4)
5. Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt; [↑](#footnote-ref-5)
6. Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt. [↑](#footnote-ref-6)
7. Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh. [↑](#footnote-ref-7)
8. Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3. [↑](#footnote-ref-8)
9. Ghi tên thiết bị, thời gian thuê. [↑](#footnote-ref-9)